

DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN GDMN NGOÀI CÔNG LẬP TRONG 05 NĂM

Stt	Năm	Kinh phí từng chính sách (Đvt: Triệu đồng)			Tổng kinh phí (Đvt: Triệu đồng)
		Hỗ trợ trẻ em	Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu	Hỗ trợ kinh phí giáo viên	
1	2024	58,500	810,000	1.512,000	2.380,500
2	2025	99,000	100,000	1.752,000	1.951,000
3	2026	135,000	100,000	1.992,000	2.227,000
4	2027	171,000	100,000	2.232,000	2.503,000
5	2028	207,000	100,000	2.472,000	2.779,000
Tổng		670,500	1.210,000	9.960,000	11.840,500

Bảng chữ: Mười một tỷ, tám trăm bốn mươi triệu, năm trăm nghìn đồng

BIỂU TÍNH KINH PHÍ HỖ TRỢ TRẺ EM THEO HỌC
TẠI CÁC CSGD MÀM NON NCL
(TÍNH TỪ THỜI ĐIỂM NGHỊ QUYẾT CÓ HIỆU LỰC)

Ghi chú: Quy định đối tượng thứ nhất bao gồm:

1. Trẻ nhà trẻ là nhân khẩu trong gia đình thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ; trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;
2. Trẻ nhà trẻ là con liệt sĩ, con Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con thương binh, con người hưởng chính sách như thương binh, con bệnh binh; con một số đối tượng chính sách khác theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có);
3. Trẻ nhà trẻ khuyết tật học hòa nhập;

Stt	Năm	Đối tượng	Số trẻ các cơ sở được hỗ trợ/năm học	Số kinh phí hỗ trợ/ 01 nhóm/lớp Đvt: triệu đồng	Số tháng được hưởng (09 tháng)	Tổng kinh phí Đvt: triệu đồng
1	2024	Đối tượng thứ nhất	5	0,3	9	13,5
		Đối tượng con công nhân	25	0,2	9	45
2	2025	Đối tượng thứ nhất	10	0,3	9	27
		Đối tượng con công nhân	40	0,2	9	72
3	2026	Đối tượng thứ nhất	10	0,3	9	27
		Đối tượng con công nhân	60	0,2	9	108
4	2027	Đối tượng thứ nhất	10	0,3	9	27
		Đối tượng con công nhân	80	0,2	9	144
5	2028	Đối tượng thứ nhất	10	0,3	9	27

3	2020	Đối tượng con công nhân	100	0,2	9	180
Tổng			350	0,2	9	670,5

Bảng chữ: Sáu trăm bảy mươi triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.

5

4

BIỂU TÍNH KINH PHÍ HỖ TRỢ TIỀN MUA
đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non
(TÍNH TỪ THỜI ĐIỂM NGHỊ QUYẾT CÓ HIỆU LỰC)

Stt	Năm	Số cơ sở GDMN NCL có 1-2 nhóm trẻ	Số nhóm/lớp của cơ sở GDMN NCL từ 3 nhóm trở lên và tăng mới	Số kinh phí hỗ trợ/ 01 nhóm/lớp Đvt: triệu đồng	Tổng kinh phí Đvt: triệu đồng	Ghi chú
1	2024		10	10	100	
		31		20	620	
			9	10	90	
2	2025		10	10	100	
3	2026		10	10	100	
4	2027		10	10	100	
5	2028		10	10	100	
Tổng			59		1210	

Bảng chữ: Một tỷ, hai trăm mười triệu đồng.

BIỂU TÍNH KINH PHÍ HỖ TRỢ BẢO HIỂM (TÍNH TỪ THỜI ĐIỂM NGHỊ QUYẾT CÓ HIỆU LỰC)

Stt	Năm	Số CBQL, giáo viên trực tiếp đúng lớp	Mức hỗ trợ/người/tháng Đvt: triệu đồng	Số tháng hỗ trợ/năm học	Tổng kinh phí Đvt: triệu đồng
1	2024	126	1	12	1.512,00
2	2025	146	1	12	1.752,00
3	2026	166	1	12	1.992,00
4	2027	186	1	12	2.232,00
5	2028	206	1	12	2.472,00
Tổng		830			9.960,000

Bằng chữ: Chín tỷ chín trăm sáu mươi triệu đồng

